**Tổng hợp mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm về đất đai**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại vi phạm** | **Hành vi vi phạm** | **Mức xử phạt** |
| 1 | Sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm a và d khoản 1 Điều 57 của Luật đất đai | Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng (trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 14 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 2 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP) | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng tùy thuộc vào diện tích đất chuyển mục đích trái phép |
| Chuyển đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển mục đích trái phép |
| Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển mục đích trái phép |
| Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị  | Mức xử phạt bằng 02 lần mức phạt đối với hành vi chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn |
| 2 | Sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm c và d khoản 1 Điều 57 của Luật đất đai | Chuyển đất rừng đặc dụng là rừng trồng, đất rừng phòng hộ là rừng trồng, đất rừng sản xuất là rừng trồng sang mục đích khác trong nhóm đất nông nghiệp | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển mục đích trái phép |
| Chuyển đất rừng đặc dụng là rừng trồng, đất rừng phòng hộ là rừng trồng, đất rừng sản xuất là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển mục đích trái phép |
| Trường hợp chuyển đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác | Mức xử phạt bằng 02 lần mức phạt tương ứng với từng trường hợp chuyển mục đích nêu trên |
| 3 | Sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm b và d khoản 1 Điều 57 của Luật đất đai | Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất nuôi trồng thủy sản nước mặn, đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản dưới hình thức ao, hồ, đầm | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển mục đích trái phép |
| Chuyển đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển mục đích trái phép |
| Chuyển đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đồ thị | Mức xử phạt bằng 02 lần mức phạt đối với khu vực nông thôn |
| 4 | Sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm đ, e và g khoản 1 Điều 57 của Luật đất đai | Chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần sang đất ở tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền hàng năm sang đất ở; chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ; chuyển đất thương mại, dịch vụ, đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Trường hợp sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tại khu vực đô thị | Mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với từng loại đất tương ứng nêu trên tại nông thôn và mức phạt tối đa không quá 500.000.000 đồng đối với cá nhân, không quá 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức |
| 5 | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa không đúng quy định; sử dụng đất vào mục đích khác thuộc trường hợp phải đăng ký mà không đăng ký theo quy định | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định 35/2015/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định 62/2019/NĐ-CP) nhưng không đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng |
| Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa vi phạm điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định 35/2015/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định 62/2019/NĐ-CP) | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng |
| Chuyển mục đích sử dụng đất giữa các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất mà không đăng ký theo quy định | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển mục đích |
| Chuyển mục đích sử dụng đất giữa các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định mà không đăng ký | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy vào diện tích đất chuyển mục đích |
| 6 | Lấn, chiếm đất | Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng tùy vào diện tích đất lấn, chiếm |
| Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng tùy vào diện tích đất lấn, chiếm |
| Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng tùy vào diện tích đất lấn, chiếm |
| Trường hợp lấn, chiếm đất phi nông nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định 91/2020/NĐ-CP tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng tùy vào diện tích đất lấn, chiếm |
| Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định 91/2020/NĐ-CP) tại khu vực đô thị | Mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với loại đất tương ứng nêu trên và mức phạt tối đa không quá 500.000.000 đồng đối với cá nhân, không quá 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức. |
| 7 | Hủy hoại đất | Trường hợp làm biến dạng địa hình hoặc làm suy giảm chất lượng đất | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng tùy vào diện tích đất bị hủy hoại |
| Trường hợp gây ô nhiễm | Mức xử phạt thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường |
| 8 | Gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác | Trường hợp đưa vật liệu xây dựng hoặc các vật khác lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình mà gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác | Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Trường hợp đưa chất thải, chất độc hại lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Trường hợp đào bới, xây tường, làm hàng rào gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| 9 | Không đăng ký đất đai | Trường hợp không thực hiện đăng ký đất đai lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 95 của Luật đất đai tại khu vực nông thôn trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định 91/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành | - Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng |
| Trường hợp quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định 91/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà không thực hiện đăng ký đất đai lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 95 của Luật đất đai tại khu vực nông thôn  | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng |
| Trường hợp không thực hiện đăng ký biến động đất đai theo quy định tại các điểm a, b, h, i, k và 1 khoản 4 Điều 95 của Luật đất đai tại khu vực nông thôn trong thời gian 24 tháng kể từ ngày quá thời hạn quy định tại khoản 6 Điều 95 của Luật đất đai | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Trường hợp quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày quá thời hạn quy định tại khoản 6 Điều 95 của Luật đất đai mà không thực hiện đăng ký biến động đất đai theo quy định tại các điểm a, b, h, i, k và 1 khoản 4 Điều 95 của Luật đất đai tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Trường hợp không thực hiện đăng ký đất đai lần đầu, không thực hiện đăng ký biến động đất đai tại khu vực đô thị | mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với từng trường hợp tương ứng nêu trên tại nông thôn |
| 10 | Chuyển quyền, cho thuê, thế chấp bằng quyền sử dụng đất khi không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai | Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân khác mà không đủ một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 188 và Điều 190 của Luật đất đai | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng |
| Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân khác mà không đủ từ hai điều kiện trở lên quy định tại khoản 1 Điều 188 và Điều 190 của Luật đất đai. | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng |
| Trường hợp thế chấp bằng quyền sử dụng đất mà không đủ một trong các điều kiện quy định khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng |
| Trường hợp thế chấp bằng quyền sử dụng đất mà không đủ từ hai điều kiện trở lên quy định tại khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất không đủ một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khu vực nông thôn, từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất không đủ từ hai điều kiện trở lên quy định tại khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khu vực nông thôn, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khu vực đô thị |
| 11 | Chuyển quyền, cho thuê, cho thuê lại, thế chấp đối với đất không thuộc trường hợp được chuyển quyền, cho thuê, thế chấp theo quy định của Luật đất đai | Trường hợp chuyển đổi, thế chấp đối với đất được Nhà nước giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân), Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm, Nhà nước giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền hoặc cho thuê đất trả tiền một lần mà chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc tiền đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất đối với đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất hoặc Nhà nước công nhận quyền sử dụng theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân) hoặc Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm hoặc Nhà nước giao có thu tiền, cho thuê trả tiền một lần mà chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc tiền đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất không đúng đối tượng tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất đối với đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, Nhà nước công nhận theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân), Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm, Nhà nước giao có thu tiền hoặc cho thuê trả tiền một lần mà chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc tiền đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất không đúng đối tượng quy định tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và tiền thuê đất đã trả không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước mà thực hiện chuyển nhượng, cho thuê lại đất, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại khu vực nông thôn | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, cho thuê, cho thuê lại đối với đất không thuộc trường hợp được chuyển quyền, cho thuê, cho thuê lại theo quy định của pháp luật đất đai tại khu vực đô thị | Mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với trường hợp tương ứng nêu trên tại nông thôn |
| 12 | Chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền trong dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở | Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền trong dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê không đủ một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP hoặc đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP nhưng chưa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 194 của Luật đất đai | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng tùy vào diện tích đất đã chuyển nhượng |
| Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phần lô, bán nền trong dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê không đủ từ hai điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP trở lên | Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng tùy vào diện tích đất đã chuyển nhượng |
| Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền mà không lập dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê | Xử phạt theo quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP |
| 13 | Bán, mua tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm mà không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 189 của Luật đất đai | Trường hợp mua tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm khi người mua tài sản gắn liền với đất thuê có ngành nghề kinh doanh không phù hợp dự án đầu tư hoặc không đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư hoặc vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án trước đó | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm khi tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập không hợp pháp hoặc chưa hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| 14 | Chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện của hộ gia đình, cá nhân mà không đủ điều kiện quy định tại Điều 192 của Luật đất đai | Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống xen kẽ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng nhưng chưa có điều kiện chuyển ra khỏi phân khu đó mà chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất rừng kết hợp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản cho hộ gia đình, cá nhân sinh sống ngoài phân khu đó | Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp trong khu vực rừng phòng hộ mà chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân không sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ đó |
| Hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số sử dụng đất do Nhà nước giao đất theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước mà chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trước 10 năm, kể từ ngày có quyết định giao đất hoặc sau 10 năm kể từ ngày có quyết định giao đất nhưng chưa được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không còn nhu cầu sử dụng do chuyển khỏi địa bàn xã, phường, thị trấn nơi cư trú để đến nơi khác hoặc do chuyển sang làm nghề khác hoặc không còn khả năng lao động |
| 15 | Nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện mà không đủ điều kiện quy định tại các Điều 191 và Điều 192 của Luật đất đai | Hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp trong khu vực rừng phòng hộ, trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng mà không sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đó | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng |
| Hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng đất do được Nhà nước giao đất theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong thời hạn 10 năm kể từ ngày có quyết định giao đất | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng |
| Tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng của hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp được chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| 16 | Chuyển quyền và nhận chuyển quyền đối với cơ sở tôn giáo không đúng quy định của Luật Đất đai | Trường hợp chuyển đổi, thế chấp bằng quyền sử dụng đất | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Trường hợp cho thuê quyền sử dụng đất | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất |  Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| 17 | Nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp mà không đủ điều kiện quy định tại Điều 193 của Luật đất đai | Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc mục đích sử dụng đất của dự án đối với diện tích nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khi chưa đủ cả 02 điều kiện nêu trên | Mức xử phạt được áp dụng bằng 1,5 lần mức phạt nêu trên |
| 18 | Nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức quy định tại Điều 130 của Luật đất đai và Điều 44 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP | Hành vi nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức theo quy định của pháp luật về đất đai | Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng quỳ vào diện tích đất nhận chuyển quyền vượt hạn mức |
| 19 | Nhận chuyển quyền sử dụng đất, thuê đất không đúng quy định tại các Điều 153 và Điều 169 của Luật đất đai và Điều 39 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP | Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam nhận chuyển quyền sử dụng đất ở chưa có nhà ở không thuộc dự án phát triển nhà ở hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải là đất ở nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng tùy vào diện tích đất vi phạm |
| 20 | Không nộp hồ sơ, không cung cấp, cung cấp không đầy đủ giấy tờ để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người mua, thuê mua nhà, công trình xây dựng, nhận chuyển quyền sử dụng đất tại dự án kinh doanh bất động sản | Tổ chức thực hiện dự án kinh doanh bất động sản không nộp hồ sơ để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người mua, thuê mua nhà, công trình xây dựng, người nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc không cung cấp, cung cấp không đầy đủ giấy tờ cho người mua, thuê mua nhà, công trình xây dựng, người nhận chuyển quyền sử dụng đất tự nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 7 Điều 26 của Luật Nhà ở và khoản 4 Điều 13 của Luật kinh doanh bất động sản | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng tùy thuộc vào thời gian vi phạm và số căn hộ, công trình xây dựng, thửa đất vi pham |
| 21 | Không sử dụng đất trồng cây hàng năm trong thời hạn 12 tháng liên tục, đất trồng cây lâu năm trong thời hạn 18 tháng liên tục, đất trồng rừng trong thời hạn 24 tháng liên tục | Hành vi không sử dụng đất trồng cây hàng năm trong thời hạn 12 tháng liên tục, đất trồng cây lâu năm trong thời hạn 18 tháng liên tục, đất trồng rừng trong thời hạn 24 tháng liên tục mà không thuộc trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 15 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 10.000.000 đồng tùy vào diện tích đất không sử dụng |
| 22 | Không làm thủ tục chuyển sang thuê đất đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật đất đai | Người đang sử dụng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà nay thuộc trường hợp phải thuê đất theo quy định của Luật đất đai nhưng chưa nộp hồ sơ để làm thủ tục chuyển sang thuê đất | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy vào diện tích đất phải chuyển sang thuê |
| 23 | Vi phạm quy định về quản lý chỉ giới sử dụng đất, mốc địa giới hành chính | Trường hợp di chuyển, làm sai lệch mốc địa giới hành chính, mốc chỉ giới sử dụng đất mà không thuộc trường hợp lấn đất để sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định 91/2020/NĐ-CP | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Trường hợp làm hư hỏng mốc địa giới hành chính, mốc chỉ giới sử dụng đất | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| 24 | Vi phạm quy định về giấy tờ, chứng từ trong việc sử dụng đất | Trường hợp tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, chứng từ trong việc sử dụng đất mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 35 Nghị định 91 | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Trường hợp khai báo không trung thực việc sử dụng đất hoặc tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, chứng từ trong việc sử dụng đất dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận và việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất bị sai lệch mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự | Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Trường hợp sử dụng giấy tờ giả trong thực hiện thủ tục hành chính và các công việc khác liên quan đến đất đai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |